

Bản án số: 158/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 3 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiền.

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 774/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 80/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Nga E, sinh năm 1974; cư trú tại: Tổ 08, Khóm VB, thị trấn T, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ 08, Khóm VB, thị trấn T, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nga E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nga E và ông L do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007 tuy nhiên đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau, hiện đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nga E yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2008, hiện đang sống với bà Nga E. Khi ly hôn bà Nga E yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất theo lời trình bày của bà Nga E và đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất có 01 (một) con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2008, hiện đang sống với bà Nga E. Khi ly hôn ông đồng ý để bà Nga E tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Bà Nga E và ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nga E và ông L tự nguyện tiến đến hôn nhân nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nga E với ông L.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2008 cho bà Nga E trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà Nga E không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Bà Nga E và ông L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nga E và ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tại thời điểm tiến đến hôn nhân ông bà đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn là chưa tuân thủ theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nga E với ông L.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, con chung hiện đang sống với bà Nga E, bà Nga E và ông L thống nhất khi ly hôn con chung do bà Nga E nuôi dưỡng. Hơn nữa, con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà Nga E. Do đó, để ổn định về tâm lý, về môi trường sống, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng sự thống nhất của các đương sự và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Văn N cho bà Nga E trực tiếp nuôi dưỡng

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Nga E không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nga E và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: Bà Nga E phải chịu 300.000đ án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông L không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 14, Điều 15, Điều 53 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Nga E và ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Nga E được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/7/2008. Bà Nguyễn Thị Nga E không yêu cầu ông Nguyễn Văn L cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị Nga E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009164 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Hiến Nguyễn Hoàng Tuấn

Trần Văn Quang

